

Số: 26/2016/NQ-HĐND

Nghệ An, ngày 04 tháng 8 năm 2016

NGHỊ QUYẾT
Về một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NGHỆ AN
KHOÁ XVII, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của HĐND, UBND ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Đầu tư ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 3 năm 2002;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Giáo dục Day nghề ngày 27 tháng 11 năm 2014;

Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Căn cứ Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008 của Chính phủ quy định về Khu công nghiệp, Khu chế xuất và Khu kinh tế; Nghị định số 164/2013/NĐ-CP ngày 21/11/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008; 114/2015/NĐ-CP ngày 09/11/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung Điều 21 Nghị định số 29/2008/NĐ-CP ngày 14/3/2008;

Căn cứ các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ: số 21/2010/QĐ-TTg ngày 03/3/2010 về việc ban hành Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An; số 67/2014/QĐ-TTg ngày 04/12/2014 về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 1 Điều 2 Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, ban hành kèm theo Quyết định số 21/2010/QĐ-TTg; số 10/2015/QĐ-TTg ngày 03/04/2015 về việc sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 2 Quy chế hoạt động của Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An, ban hành kèm theo Quyết định số 21/2010/QĐ-TTg đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 67/2014/QĐ-TTg;

Xét Tờ trình số 5297 /TTr-UBND ngày 25 tháng 7 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế - Ngân sách và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

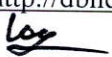
Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban Hội đồng nhân dân tỉnh và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An khoá XVII, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 04 tháng 8 năm 2016 và có hiệu lực từ ngày 14 tháng 8 năm 2016; thay thế các Nghị quyết số: 182/2007/NQ-HĐND ngày 25/07/2007 về một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ các dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An, số 262/2009/NQ-HĐND ngày 23/7/2009 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 182/2007/NQ-HĐND và Nghị quyết số 304/2009/NQ-HĐND ngày 23/12/2009 về một số chính sách ưu đãi đầu tư trong Khu kinh tế Đông Nam, tỉnh Nghệ An./. 

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội (để b/c);
- Chính phủ (để b/c);
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản);
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND, UBND tỉnh; UBND TTQ tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Các đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh, Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh, Cục thi hành án dân sự tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành đoàn thể cấp tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố, thị xã;
- Trung tâm Công báo tỉnh;
- Website: <http://dbndnghean.vn>;
- Lưu: VT. 

CHỦ TỊCH



Nguyễn Xuân Sơn

QUY ĐỊNH

Một số chính sách hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 26 /2016/NQ-HĐND ngày 04 tháng 8 năm 2016 của
Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An)*

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định một số chính sách hỗ trợ đầu tư đối với nhà đầu tư trong và ngoài nước có dự án đầu tư, kể cả dự án đầu tư mở rộng trên địa bàn tỉnh Nghệ An.

2. Đối tượng áp dụng

a) Dự án đầu tư thuộc ngành, nghề ưu đãi đầu tư; ngành, nghề đặc biệt ưu đãi đầu tư theo quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

b) Dự án đầu tư tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

c) Dự án đầu tư có quy mô vốn đầu tư từ 6.000 tỷ đồng trở lên, thực hiện giải ngân tối thiểu 6.000 tỷ đồng trong thời hạn 03 năm kể từ ngày được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư/cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và bàn giao mặt bằng trên thực địa;

d) Dự án đầu tư tại vùng nông thôn có sử dụng và ký hợp đồng lao động trên 12 tháng với số lượng từ 500 lao động trở lên;

đ) Dự án đầu tư có mức nộp ngân sách tỉnh trên 100 tỷ đồng của năm đầu tiên (không tính thời gian vận hành thử) hoặc Dự án sử dụng thường xuyên trên 2.500 lao động địa phương;

e) Dự án đầu tư kinh doanh trong Khu kinh tế Đông Nam Nghệ An và các khu công nghiệp do Chính phủ thành lập trên địa tỉnh Nghệ An.

3. Các trường hợp không thuộc đối tượng áp dụng của Nghị quyết này, bao gồm:

a) Dự án đầu tư trong lĩnh vực: Thủy điện, khai thác khoáng sản, phát triển nhà ở (trừ dự án nhà ở xã hội, dự án nhà ở tái định cư);

b) Dự án đầu tư theo quy định tại Nghị định số 30/2015/NĐ-CP ngày 17/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà đầu tư;

c) Dự án đầu tư, kinh doanh hạ tầng cụm công nghiệp do UBND tỉnh thành lập.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Các từ ngữ sử dụng trong Nghị quyết này được hiểu như sau:

1. Ngân sách tỉnh hỗ trợ cho nhà đầu tư là khoản kinh phí được hỗ trợ theo quy định tại Nghị quyết này, sau khi nhà đầu tư bỏ vốn trước để thực hiện dự án, các hạng mục công trình của dự án.

2. Ngân sách tỉnh đầu tư là việc ngân sách tỉnh đầu tư các hạng mục công trình thông qua chủ đầu tư là UBND cấp xã, hoặc UBND cấp huyện, hoặc Sở quản lý chuyên ngành theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 3. Nguyên tắc áp dụng hỗ trợ đầu tư

1. Các nhà đầu tư khi thực hiện các dự án đầu tư vào Nghệ An được hưởng các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư theo quy định hiện hành của Nhà nước và được hưởng thêm các chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Trong quá trình thực hiện dự án đầu tư, nếu nhà đầu tư không đáp ứng điều kiện hỗ trợ đầu tư theo quy định hoặc không thực hiện đúng cam kết với tỉnh (nếu có) thì không được hưởng các chính sách hỗ trợ đầu tư hoặc phải hoàn trả lại kinh phí hỗ trợ đầu tư đã được hưởng.

3. Dự án đầu tư thuộc lĩnh vực mà Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An đã ban hành Nghị quyết riêng về chính sách hỗ trợ đầu tư cho lĩnh vực đó thì áp dụng theo Nghị quyết riêng của Hội đồng nhân dân tỉnh đối với lĩnh vực đó.

Trường hợp dự án đầu tư thuộc đối tượng áp dụng theo quy định tại Nghị quyết này mà Nghị quyết của HĐND tỉnh ban hành riêng áp dụng cho lĩnh vực đó không có nội dung hỗ trợ đầu tư như quy định tại Nghị quyết này, nhà đầu tư

được hưởng thêm các chính sách hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết này nếu đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 4. Cơ chế thực hiện hỗ trợ đầu tư

1. Ngân sách tỉnh thực hiện hỗ trợ sau đầu tư đối với các nội dung hỗ trợ: Quảng cáo, quảng bá giới thiệu hình ảnh, chi phí thực hiện các thủ tục đầu tư trong bước chuẩn bị đầu tư, đào tạo lao động, bồi thường, giải phóng mặt bằng và san lấp mặt bằng.

2. Ngân sách tỉnh thực hiện đầu tư theo quy định về quản lý đầu tư xây dựng công trình sử dụng vốn ngân sách nhà nước đối với các hạng mục hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào dự án.

CHƯƠNG II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Các chính sách hỗ trợ đầu tư áp dụng chung

1. Hỗ trợ quảng cáo, quảng bá giới thiệu hình ảnh

a) Trong vòng 03 (ba) năm, kể từ khi dự án đầu tư đi vào hoạt động, các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An được miễn chi phí quảng cáo sản phẩm trên các phương tiện thông tin đại chúng của tỉnh (Đài Phát thanh và Truyền hình Nghệ An và Báo Nghệ An) với số lượng không quá 03 lần quảng cáo/năm; Khoản kinh phí thực hiện quảng cáo sản phẩm được Ngân sách tỉnh hỗ trợ thông qua các cơ quan truyền thông nêu tại điểm này;

b) Các doanh nghiệp đầu tư trên địa bàn tỉnh được hỗ trợ quảng bá, giới thiệu hình ảnh của doanh nghiệp, giới thiệu sản phẩm trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Nghệ An, trang thông tin điện tử của Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý Khu Kinh tế Đông Nam Nghệ An và của các sở quản lý chuyên ngành.

2. Hỗ trợ cung cấp thông tin, thủ tục đầu tư trong bước chuẩn bị đầu tư

a) Nhà đầu tư được cung cấp miễn phí thông tin về môi trường đầu tư, thông tin về quy hoạch ngành nghề, lĩnh vực đầu tư, tiếp cận quỹ đất và các thông tin về thuế;

b) Nhà đầu tư được ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% chi phí thực hiện các thủ tục đầu tư trong bước chuẩn bị đầu tư theo hợp đồng, hóa đơn, chứng từ hợp lệ nhưng tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án kể từ khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

3. Hỗ trợ đào tạo lao động

Đối với dự án đầu tư sử dụng lao động có hộ khẩu thường trú tại Nghệ An từ: 50 lao động (đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn), 100 lao động (đối với địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn), 200 lao động (đối với các địa bàn khác) có ký hợp đồng với người lao động từ 12 tháng trở lên, tham gia đóng bảo hiểm xã hội, gửi lao động đi đào tạo tại các cơ sở đào tạo trong và ngoài tỉnh, ngoài nước hoặc đào tạo tại cơ sở sản xuất, có chứng chỉ sơ cấp nghề trở lên sẽ được ngân sách tỉnh hỗ trợ chi phí đào tạo 01 (một) lần với mức 1.500.000 đồng (một triệu năm trăm nghìn đồng)/01 lao động.

Điều 6. Các chính sách hỗ trợ đầu tư đối với các dự án đầu tư ngoài Khu kinh tế Đông Nam và ngoài các Khu công nghiệp được Chính phủ thành lập trên địa bàn tỉnh

1. Đối với dự án đầu tư đáp ứng cả ba điều kiện quy định tại điểm c và điểm d và điểm đ khoản 2, Điều 1 Nghị quyết này:

a) Hỗ trợ san lấp mặt bằng

Nhà đầu tư tự bỏ vốn để thực hiện. Sau khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động, căn cứ hồ sơ thiết kế, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo số liệu quyết toán thực tế được Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với sở quản lý xây dựng chuyên ngành thẩm tra, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thì ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% kinh phí san lấp mặt bằng nhưng tối đa không quá 30 tỷ đồng/dự án.

b) Hỗ trợ đầu tư hạ tầng kỹ thuật ngoài hàng rào Dự án

- Ngân sách tỉnh đầu tư đường giao thông, hệ thống thoát nước đến hàng rào dự án;

- Hệ thống điện, cấp nước, thông tin liên lạc: UBND tỉnh chỉ đạo doanh nghiệp chuyên ngành đầu tư đến hàng rào công trình để bán trực tiếp cho các nhà đầu tư.

2. Đối với kết cấu hạ tầng vùng nguyên liệu tập trung cho công nghiệp chế biến

a) Được ngân sách tỉnh đầu tư xây dựng đường giao thông trục chính vào trung tâm vùng nguyên liệu tập trung đối với các dự án có quy mô như sau:

- Vùng nguyên liệu chè, cao su, cây ăn quả (gồm: cam, dứa, quýt, chuối, chanh leo), cây thức ăn cho gia súc có quy mô tập trung 100 ha trở lên;

- Rừng nguyên liệu có quy mô tập trung 300 ha trở lên;

- Dự án nuôi tôm giống có quy mô 20 triệu con giống/năm (đối với sản xuất tôm giống) hoặc có diện tích từ 50 ha nuôi tôm thâm canh trở lên;

b) Đối với đường điện hạ thế vào trung tâm vùng nguyên liệu

UBND tỉnh đề nghị ngành điện lực đầu tư cho từng dự án cụ thể. Nếu nhà đầu tư tự đầu tư thì được ngân sách tỉnh hỗ trợ sau đầu tư lãi suất vay vốn đầu tư trong thời hạn ba (03) năm.

Điều 7. Chính sách hỗ trợ đầu tư đối với các dự án đầu tư, kinh doanh trong Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp ngoài Khu kinh tế Đông Nam, thuộc Danh mục các khu công nghiệp của cả nước ưu tiên phát triển đến năm 2020 theo Công văn số 2244/TTg- KTN ngày 22/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc điều chỉnh, bổ sung các khu công nghiệp tỉnh Nghệ An vào quy hoạch phát triển các khu công nghiệp ở Việt Nam

1. Hỗ trợ bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng các Khu công nghiệp, Khu công nghệ cao trong khu kinh tế Đông Nam: Được Ngân sách nhà nước hỗ trợ toàn bộ kinh phí bồi thường, giải phóng mặt bằng;

b) Khuyến khích các nhà đầu tư tự nguyện ứng trước kinh phí để bồi thường, giải phóng mặt bằng theo phương án được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Ngân sách tỉnh sẽ hoàn trả lại cho nhà đầu tư bằng tiền hàng năm, trong thời hạn 05 (năm) năm kể từ khi hoàn thành bồi thường giải phóng mặt bằng;

c) Đối với dự án nhà đầu tư tự nguyện ứng trước 100% kinh phí để bồi thường, giải phóng mặt bằng sẽ được ngân sách tỉnh hoàn trả trong thời hạn 03 (ba) năm kể từ khi hoàn thành bồi thường, giải phóng mặt bằng;

d) Đối với dự án có tiến độ triển khai vượt tiến độ cam kết, có nguồn thu ngân sách hàng năm từ các dự án đầu tư thứ cấp vượt khoản kinh phí bồi thường giải phóng mặt bằng đã tự nguyện ứng trước sẽ được ưu tiên hoàn trả trong thời gian sớm hơn và tối đa không quá 03 (ba) năm kể từ khi hoàn thành bồi thường, giải phóng mặt bằng.

2. Hỗ trợ san lấp mặt bằng

a) Đối với dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng các Khu công nghiệp, Khu phi thuế quan, Khu công nghệ cao trong Khu kinh tế Đông Nam; dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng các Khu công nghiệp ngoài Khu kinh tế Đông Nam thuộc Danh mục các khu công nghiệp của cả nước ưu tiên phát triển đến năm 2020 theo Văn bản số 2244/TTg- KTN:

Nhà đầu tư tự bỏ kinh phí để san lấp mặt bằng. Sau khi dự án hoàn thành xây dựng hạ tầng kỹ thuật theo phân kỳ đầu tư và ít nhất 50% diện tích đất công nghiệp đã được cho các nhà đầu tư thứ cấp thuê lại, căn cứ hồ sơ thiết kế, dự

toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo số liệu quyết toán thực tế được Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với sở quản lý xây dựng chuyên ngành thẩm tra, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thì ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% chi phí san lấp mặt bằng, nhưng không vượt quá 30 tỷ đồng/100 ha.

b) Đối với dự án đầu tư vào Khu công nghiệp, Khu phi thuế quan, Khu công nghệ cao trong Khu kinh tế Đông Nam và các khu công nghiệp ngoài Khu kinh tế Đông Nam thuộc Danh mục các khu công nghiệp của cả nước ưu tiên phát triển đến năm 2020 theo Văn bản số 2244/TTg- KTN nhưng chưa có chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng; dự án sản xuất công nghiệp, đầu tư riêng lẻ trong Khu kinh tế Đông Nam:

Nhà đầu tư tự bỏ kinh phí để san lấp mặt bằng. Sau khi dự án hoàn thành đi vào hoạt động ổn định, căn cứ hồ sơ thiết kế, dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt và theo số liệu quyết toán thực tế được Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với sở quản lý xây dựng chuyên ngành thẩm tra, Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt thì ngân sách tỉnh hỗ trợ 50% chi phí san lấp mặt bằng nhưng không vượt quá:

- 01 tỷ đồng cho dự án có vốn đầu tư từ 100 tỷ đồng đến dưới 200 tỷ đồng;
- 02 tỷ đồng cho dự án có vốn đầu tư từ 200 tỷ đồng đến dưới 300 tỷ đồng;
- 03 tỷ đồng cho dự án có vốn đầu tư từ 300 tỷ đồng đến dưới 500 tỷ đồng;
- 04 tỷ đồng cho dự án có vốn đầu tư từ 500 tỷ đồng đến dưới 1.000 tỷ đồng;
- 05 tỷ đồng cho dự án có vốn đầu tư từ 1.000 tỷ đồng đến dưới 3.000 tỷ đồng;
- 07 tỷ đồng cho dự án có vốn đầu tư từ 3.000 tỷ đồng trở lên.

3. Hỗ trợ đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng ngoài hàng rào dự án

Đối với dự án đầu tư quy định tại điểm a, Khoản 2 Điều này: Được Ngân sách tỉnh đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng giao thông, cấp điện, cấp nước, thoát nước đến hàng rào các dự án.

Điều 8. Chính sách hỗ trợ đầu tư đối với các dự án nộp ngân sách địa phương trên 300 tỷ đồng/năm (không tính thời gian vận hành thử)

1. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định chính sách hỗ trợ riêng đối với dự án đầu tư có số nộp ngân sách địa phương trên 300 tỷ đồng/năm (không tính thời gian vận hành thử) các nội dung hỗ trợ ở mức cao hơn nhưng tối đa bằng 2 lần mức hỗ trợ áp dụng cho các đối tượng quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 6, đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật và khả năng cân đối ngân sách địa phương cho từng dự án; sau khi được Thường trực Hội đồng

nhân dân tỉnh đồng ý về chủ trương và phải báo cáo với Hội đồng ngân dân tỉnh tại kỳ họp gần nhất;

2. Trường hợp nhà đầu tư cần thực hiện sớm các hạng mục hỗ trợ nhằm đáp ứng tiến độ dự án đầu tư trong điều kiện ngân sách tỉnh chưa kịp bố trí trong kế hoạch vốn hàng năm, nhà đầu tư tự bỏ kinh phí ứng trước để thực hiện và được Tỉnh bố trí hoàn trả trong kế hoạch vốn của các năm kế tiếp trong thời hạn 5 (năm) năm kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

Riêng các dự án triển khai vượt tiến độ cam kết, nộp ngân sách sớm được ngân sách tỉnh hoàn trả kinh phí trong thời gian sớm hơn, tối đa không quá 3(ba) năm kể từ ngày dự án hoàn thành đi vào hoạt động.

Điều 9. Hỗ trợ xúc tiến đầu tư

Hàng năm, tỉnh Nghệ An sẽ xét khen thưởng những tổ chức, cá nhân có thành tích trong thu hút đầu tư. Các tổ chức, cá nhân (không thuộc biên chế các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn tỉnh) có công vận động, kêu gọi được các dự án nước ngoài đầu tư vào tỉnh Nghệ An, sau khi dự án đi vào đầu tư xây dựng sẽ được tỉnh hỗ trợ xúc tiến đầu tư với các mức như sau:

- a) 10 triệu đồng cho dự án có vốn đầu tư từ 100 đến 200 tỷ đồng;
- b) 20 triệu đồng cho dự án có vốn đầu tư trên 200 đến 300 tỷ đồng;
- c) 30 triệu đồng cho dự án có vốn đầu tư từ 300 đến 500 tỷ đồng;
- d) 50 triệu đồng cho dự án có vốn đầu tư trên 500 tỷ đồng.

CHƯƠNG III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Điều khoản chuyển tiếp

1. Đối với các dự án đầu tư ngoài Khu kinh tế Đông Nam và các Khu công nghiệp

a) Nhà đầu tư có dự án đầu tư đã và đang được hưởng chính sách hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 182/2007/NQ-HĐND ngày 25/07/2007, Nghị quyết số 262/2009/NQ-HĐND ngày 23/7/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An thì tiếp tục được hưởng các ưu đãi và hỗ trợ đầu tư theo các Nghị quyết đó;

b) Nhà đầu tư có dự án đầu tư đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mà chưa được hưởng các chính sách hỗ trợ đầu tư của tỉnh nếu đáp ứng điều kiện theo quy định tại Nghị quyết này thì được hưởng các chính sách hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết này.

2. Đối với các dự án đầu tư trong Khu kinh tế Đông Nam và các Khu công nghiệp

a) Nhà đầu tư có dự án đầu tư vào Khu công nghiệp, Khu phi thuế quan, Khu công nghệ cao trong và ngoài Khu kinh tế Đông Nam nhưng chưa có chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng; dự án sản xuất công nghiệp, đầu tư riêng lẻ trong Khu kinh tế Đông Nam, đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc được cấp Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì áp dụng chính sách hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết số 304/2009/NQ-HĐND ngày 23/12/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh về một số chính sách ưu đãi đầu tư trong Khu kinh tế Đông Nam;

b) Nhà đầu tư có dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng các khu công nghiệp ngoài khu kinh tế Đông Nam nằm trong Danh mục các khu công nghiệp của cả nước ưu tiên phát triển đến năm 2020 theo Văn bản số 2244/TTg- KTN ngày 22/12/2008 của Thủ tướng Chính phủ, được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì áp dụng chính sách hỗ trợ đầu tư theo Quy định tại Nghị quyết số 182/2007/NQ-HĐND ngày 25/07/2007, Nghị quyết số 262/2009/NQ-HĐND ngày 23/7/2009 của Hội đồng nhân dân tỉnh Nghệ An về một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư trên địa bàn tỉnh Nghệ An;

c) Nhà đầu tư có dự án đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng các Khu công nghiệp, Khu phi thuế quan, Khu công nghệ cao trong Khu kinh tế Đông Nam đã được cấp có thẩm quyền chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc cấp Giấy chứng nhận đầu tư/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực mà chưa được hưởng hỗ trợ đầu tư của tỉnh Nghệ An, nếu đáp ứng điều kiện theo quy định tại Nghị quyết này thì được hưởng các chính sách hỗ trợ đầu tư theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 11. Giải quyết khó khăn, vướng mắc

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân gửi về Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi. 



Nguyễn Xuân Sơn